

NHỮNG THÔNG TIN QUẢN TRỊ CHỦ YẾU PHỤC VỤ QUẢN LÝ HÀNG TỒN KHO

Thạc sĩ PHẠM CHÂU THÀNH

Hàng tồn kho là một chỉ tiêu rất quan trọng của doanh nghiệp thương mại, mang tính chất quyết định đối với khả năng bán hàng, tốc độ bán hàng và chất lượng bán hàng, đồng thời nó cũng có ảnh hưởng lớn đến chi phí kinh doanh, hiệu quả kinh doanh và uy tín của doanh nghiệp trong kinh doanh.

Ngoài những thông tin được cung cấp bởi kế toán tài chính, nhà quản trị còn phải được cung cấp những thông tin cụ thể về hàng hóa tồn kho như :

- Định mức hàng tồn kho.
- Dự toán hàng tồn kho.
- Số liệu chi tiết về hàng hóa tồn kho.
- Ảnh hưởng của hàng tồn kho đối với hiệu quả kinh doanh, để có thể thực hiện tốt chức năng của mình.

Định mức hàng tồn kho là một căn cứ quan trọng trong quá trình lập dự toán và điều hành, định mức hàng tồn kho là một việc làm khá phức tạp, có liên quan đến nhiều khoản mục trong chi phí kinh doanh như chi phí mua hàng, chi phí dự trữ

Do doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí mua hàng, chi phí dự trữ và có thể cung cấp kịp thời cho nhu cầu bán ra, cần phải xây dựng cho được định mức hàng tồn kho tối ưu, muốn thế chúng ta phải xác định cho được lượng đặt hàng tối ưu và tiến độ nhập hàng phù hợp.

Chúng tôi xin giới thiệu một trong những phương pháp để xác định lượng đặt hàng tối ưu EOQ (Economic order quantity) đó là phương pháp Bảng. Qua các tiêu thức sau :

$$* \text{Số lần mua hàng hóa} = \frac{\text{Nhu cầu hàng hóa hàng năm}}{\text{Mức mua hàng hóa mỗi lần}}$$

$$* \text{Chi phí mua trong năm} = \text{Số lần mua hàng hóa} \times \text{Chi phí 1 lần mua}$$

$$* \text{Tồn kho bình quân} = \frac{\text{Lượng mua mỗi lần}}{2}$$

$$* \text{Chi phí dự trữ} = \text{Tồn kho bình quân} \times \text{Chi phí dự trữ bình quân}$$

$$* \text{Chi phí cho hàng tồn kho} = \text{Chi phí mua} + \text{Chi phí dự trữ}$$

Lập một bảng tính chi phí với nhiều mức đặt hàng khác nhau, lựa chọn một mức đặt hàng có chi phí mua và chi phí dự trữ thấp nhất.

Ví dụ : Tại doanh nghiệp thương mại Thùy Linh chuyên kinh doanh đèn trang trí, căn cứ kế hoạch bán ra trong kỳ, doanh nghiệp cần một lượng hàng là 12.000 bộ, giá mua một bộ là 400.000đ, chi phí một lần mua hàng là 1.000.000đ, chi phí dự trữ là 5.000đ/bộ.

Lập bảng :

Khoản mục	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 3	Phương án 4
Nhu cầu hàng trong kỳ	12.000 bộ	12.000 bộ	12.000 bộ	12.000 bộ
Giá mua hàng	3.000 bộ	2.000 bộ	1.500 bộ	1.200 bộ
Số lần mua hàng	4	6	8	10
Chi phí mua hàng	4.000.000đ	6.000.000đ	8.000.000đ	10.000.000đ
Tồn kho bình quân	1.500 bộ	1.000 bộ	750 bộ	600 bộ
Chi phí dự trữ	7.500.000đ	5.000.000đ	3.750.000đ	3.000.000đ
Cộng chi phí mua và dự trữ	11.500.000đ	11.000.000đ	11.750.000đ	13.000.000đ

Qua số liệu của bảng trên ta thấy : Lượng đặt hàng tối ưu EOQ là 2.000 bộ /lần. Thuộc phương án 2, phương án có chi phí mua hàng và dự trữ nhỏ nhất. Tuy nhiên, khi xác định lượng đặt hàng tối ưu nên lưu ý đến yếu tố biến động của giá cả thị trường, yếu tố rủi ro của nguồn hàng, của quá trình vận chuyển nhất là đối với hàng nhập khẩu.

Trong quá trình thực hiện, chi phí mua hàng và chi phí dự trữ được xác định và phân loại thành hai loại : chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp. Những khoản chi phí trực tiếp của mặt hàng nào, đối tượng nào thì ghi trực tiếp cho mặt hàng đó, đối tượng đó, còn những khoản chi phí gián tiếp sẽ được phân bổ cho các mặt hàng, đối tượng có liên quan theo các tiêu thức giá trị, khối lượng hoặc sức chứa tùy theo tính chất của hàng hóa cụ thể. Chi phí mua hàng và chi phí dự trữ phát sinh trong kỳ thực hiện được theo dõi trên các sổ sách cụ thể và đến cuối kỳ sẽ được tiến hành phân bổ cụ thể cho hàng tồn kho, hàng xuất kho theo các tiêu thức phù hợp. Nếu trong quá trình hoạt động, giá trị hàng hóa tồn kho qua các thời kỳ tương đối ổn định thì theo chúng tôi nghĩ chi phí mua hàng và chi phí dự trữ nên tính hết cho hàng xuất bán trong kỳ và xem đó như là một khoản chi phí thời kỳ.

Ở mỗi doanh nghiệp cụ thể, với những yêu cầu của quản lý, cần phải được cung cấp số liệu chi tiết về hàng tồn kho một cách cụ thể. Thông thường số liệu chi tiết hàng tồn kho cần đảm bảo các thông tin sau :

- Thông tin về hàng hóa tồn kho, hàng nhập trong kỳ, hàng xuất trong kỳ về cả lượng lẫn giá trị của từng mặt hàng cụ thể, từng kho hàng hoặc tại nơi bảo quản, từng người phụ trách vật chất cụ thể.

- Thông tin về giá cả hàng hóa, tiến độ nhập hàng, tình hình tồn trọng định mức hàng tồn kho để nhà quản trị có những quyết định kịp thời.

- Thông tin về quan hệ đối chiếu giữa tồn kho trên sổ sách và lượng tồn thực tế để đảm bảo an toàn và giải quyết kịp thời cho hàng hóa tồn kho.

Số liệu chi tiết hàng hóa tồn kho chủ yếu được cung cấp bởi bộ phận kế toán. Để có thể cung cấp đầy đủ số liệu chi tiết hàng tồn kho theo yêu cầu của nhà quản lý, kế toán cần phải tổ chức hệ thống kế toán chi tiết phù hợp. Sau đây chúng tôi xin giới thiệu sơ đồ tổ chức kế toán chi tiết hàng tồn kho thường được tổ chức tại các doanh nghiệp thương mại.

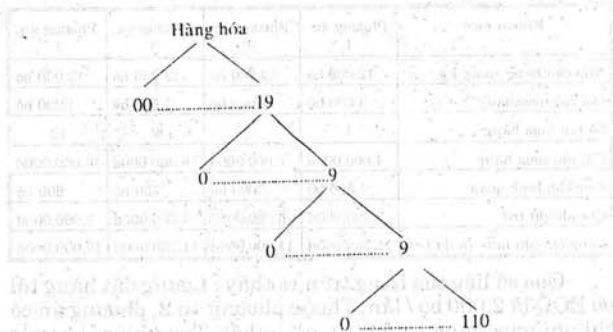
(Xem sơ đồ tổ chức kế toán chi tiết hàng tồn kho)

Với các doanh nghiệp kinh doanh nhiều loại hàng hóa với nhiều tên gọi khác nhau, mẫu mã khác nhau, bao bì khác nhau,... theo chúng tôi nghĩ doanh nghiệp cần thực hiện công việc mã hóa, thiết lập danh mục hàng hóa bằng code. Hiện nay công việc mã hóa thường được thực hiện theo nguyên tắc : mỗi hàng hóa có một mã số riêng (code)

để nhận dạng mà không bị nhầm lẫn với một mặt hàng khác, mã số đó phải dễ đọc, dễ thấy trên sổ sách cũng như trên thực tế.

Ví dụ : mã hóa cho 20 nhóm hàng hóa :

- 20 nhóm hàng hóa chính.
- Mỗi nhóm hàng hóa chính có 10 nhóm phụ.
- Mỗi nhóm phụ có 10 chủng loại.
- Mỗi chủng loại có 100-110 mặt hàng.



Hàng hóa tồn kho được xác định theo giá thực tế của nó, đó là giá mua thực tế cộng chi phí mua hàng, tuy nhiên trong quá trình ghi chép, kế toán có thể sử dụng 2 loại giá để ghi :

- Giá hạch toán (giá cố định)
- Giá thực tế.

Giá cố định là giá được doanh nghiệp qui định để thuận tiện trong quá trình ghi chép hàng nhập, xuất trong kỳ nhưng đến cuối kỳ phải được điều chỉnh lại theo giá thực tế.

Giá thực tế của hàng nhập kho biến động thường xuyên, do đó đối với hàng xuất kho, hàng tồn kho cần phải xác định lại giá thực tế theo 1 trong 4 phương pháp sau :

- + Phương pháp đích danh.
- + Phương pháp bình quân gia quyền.
- + Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).
- + Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO).

Theo quy định của chế độ kế toán hiện nay, hạch toán hàng tồn kho có 2 phương pháp : Phương pháp kiểm kê định kỳ và phương pháp kiểm kê thường xuyên. Việc áp dụng 4 phương pháp xác định đơn giá hàng tồn kho, hàng xuất kho trong 2 phương pháp kiểm kê này cũng có sự khác nhau về tính chất, về thời gian và kết quả tính toán.

Chọn phương pháp nào để xác định trị giá hàng hóa tồn kho tùy thuộc vào các đặc tính, giá trị và sự biến động giá của hàng hóa. Nó có ảnh hưởng đến giá vốn hàng hóa bán ra, đến việc xác định vốn và lợi nhuận của đơn vị. Việc chọn lựa này phải đảm bảo tính nhất quán trong quá trình hạch toán.

Thật vậy, với số liệu của Công ty Thương mại Thái Dương trong tháng 9.99 sau đây :

Ví dụ : Có thông tin về hàng hóa A mua vào và tồn kho tại doanh nghiệp thương mại Thái Dương tháng 9.1999 như sau :

Nội dung	Ngày	Đơn giá (Ngàn đồng)	Số lượng (Kg)	Thành tiền (Ngàn đồng)
Tồn đầu kỳ (1/9)	18/8	110	20	2.200
Mua vào	10/9	100	70	7.000
Mua vào	20/9	125	10	5.000
Mua vào	25/9	130	50	6.500
Cộng mua vào			160	18.500

Tồn đầu kỳ ngày 1/9 chỉ gồm số lượng hàng A của lần mua ngày 18.8 với đơn giá mua

là 110.000d/Kg.

Cuối tháng 9, hàng A tồn kho 50Kg với số lượng cụ thể theo từng đợt mua hàng và đơn giá khác nhau như sau:

Ngày	Lượng tồn (Kg)	Đơn giá (Ngàn đồng)	Thành tiền (Ngàn đồng)
18/8	5	110	550
10/9	20	100	2.000
20/9	15	125	1.875
25/9	10	130	1.300
Cộng	50		5.725

- Doanh thu bán hàng A tháng 9.99 : 18.000.000d
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý phân bổ cho hàng A tháng 9.99 : 1.200.000d

Nếu vận dụng các phương pháp xác định trị giá hàng tồn kho trên theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đem so sánh ta sẽ thấy :

Chi tiêu	Phương pháp tính	Đích danh	Bình quân	LIFO	FIFO
1. Doanh thu		18.000	18.000	18.000	18.000
2. Giá vốn hàng bán ra		14.975	14.950	15.500	14.200
3. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ		5.725	5.750	5.200	6.500
4. Lãi gộp bán hàng		3.025	3.050	2.500	3.800
5. Chi phí bán hàng & quản lý		1.200	1.200	1.200	1.200
6. Thu nhập trước thuế		1.825	1.850	1.300	2.600
7. Thuế thu nhập (32%)		584	592	416	832
8. Thu nhập thuần		1.241	1.258	884	1.768

Qua bảng so sánh trên ta thấy :

- Ảnh hưởng của giá trị hàng hóa tồn kho đối với tổng giá trị tài sản, chi phí kinh doanh và lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Với các phương pháp tính khác nhau sẽ cho ra kết quả khác nhau về giá vốn hàng hóa bán ra, giá trị hàng hóa tồn kho và kết quả kinh doanh. Trong điều kiện giá ngày càng tăng, nếu áp dụng phương pháp FIFO hoặc phương pháp bình quân để tính giá hàng xuất kho thì lợi nhuận sẽ đạt cao hơn, vì giá thực tế của hàng xuất bán là giá cũ (giá thấp). Tuy nhiên, để bổ sung lượng hàng đã bán, doanh nghiệp phải mua hàng vào với chi phí hiện hành (giá mới) cao hơn so với giá đã tính cho hàng xuất bán, phần chênh lệch do phương pháp tính toán tạo ra đó được gọi là lợi nhuận hàng tồn kho (lợi nhuận giả) ■

Sơ đồ tổ chức kế toán chi tiết hàng tồn kho

